CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Ngày 15/01/2024	14,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.5%	**-9.7%**	**-9.7%**

DT thuần
Q4/23
1,011
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 227| 28.9%
YoY: ▲ 19.0| 1.9%

LN thuần
Q4/23
30.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.40| 12.2%
YoY: ▼7.40| -19.4%

LN sau thuế
Q4/23
22.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.10| 15.9%
YoY: ▼10.9| -32.9%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
5.8%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE
2023
11.4%
YoY: +/-▼ 3.1%

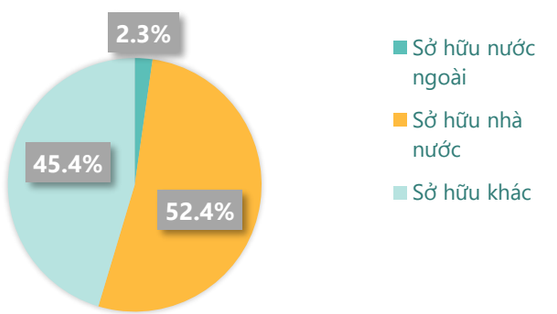
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,950 - 16,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	866
Số lượng CPLH (CP)	60,339,285
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,595
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.39
EPS	1,579
P/E	9.3

DT thuần
2023
3,544
tỷ VNĐ
YoY: ▼470| -11.7%

LN thuần
2023
134
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.0| -12.3%

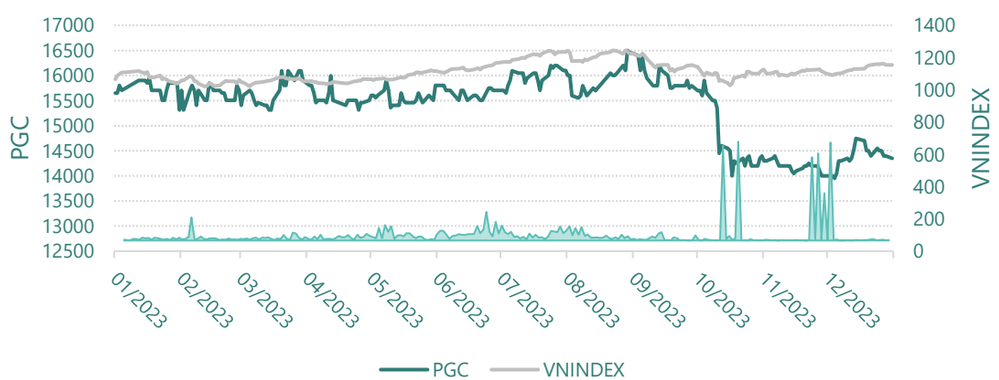
LN sau thuế
2023
102
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0| -19.5%

Cơ cấu sở hữu

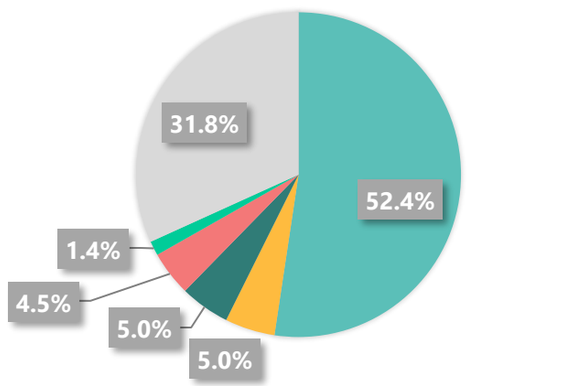


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



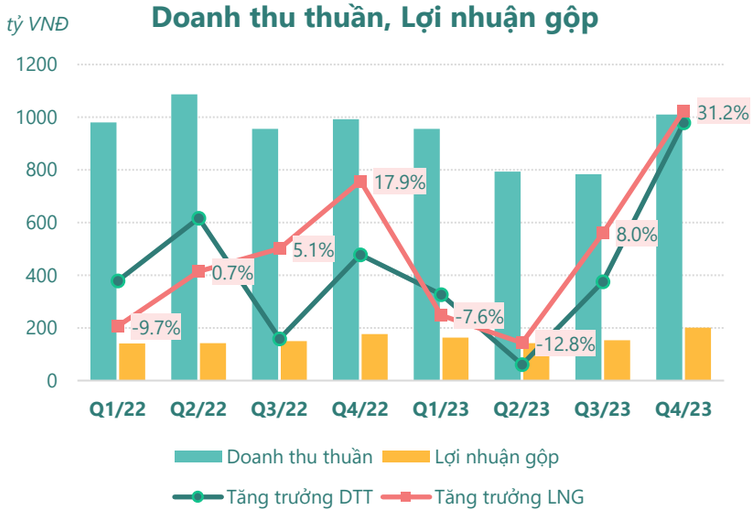
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

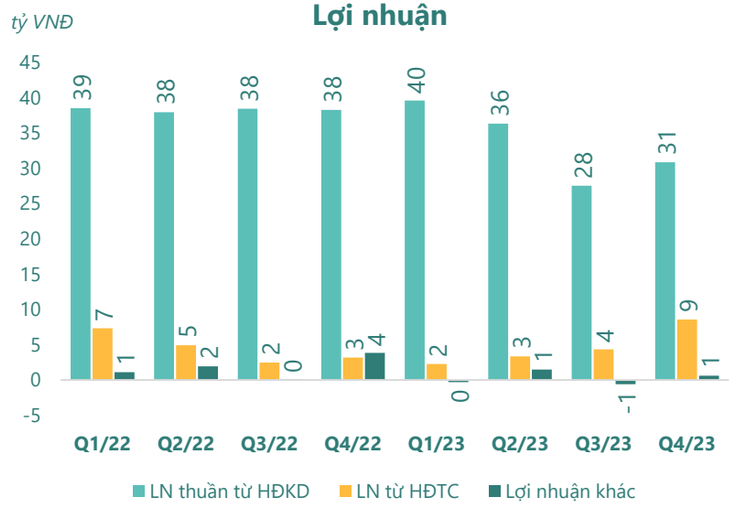
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



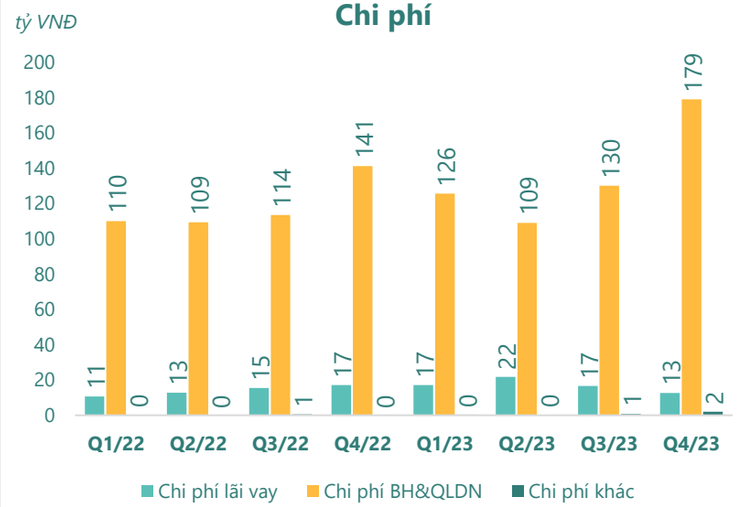
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



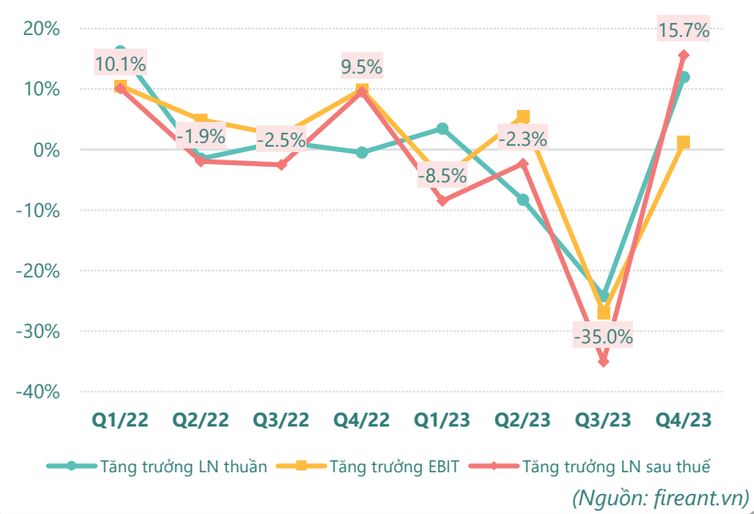
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



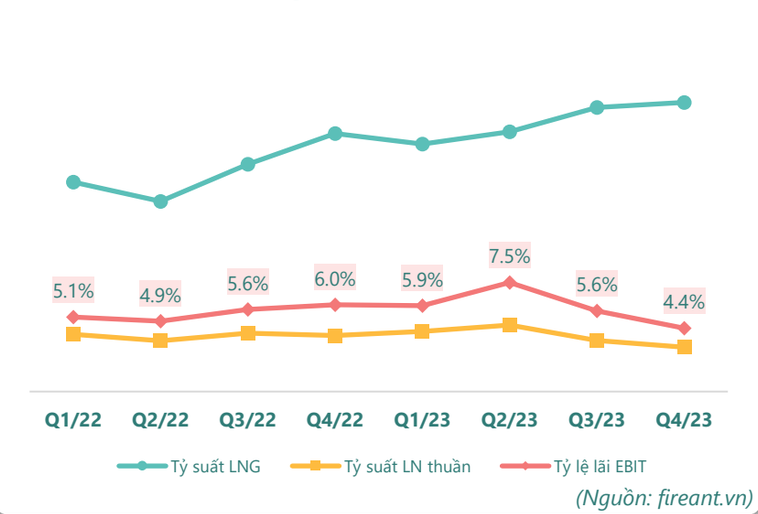
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



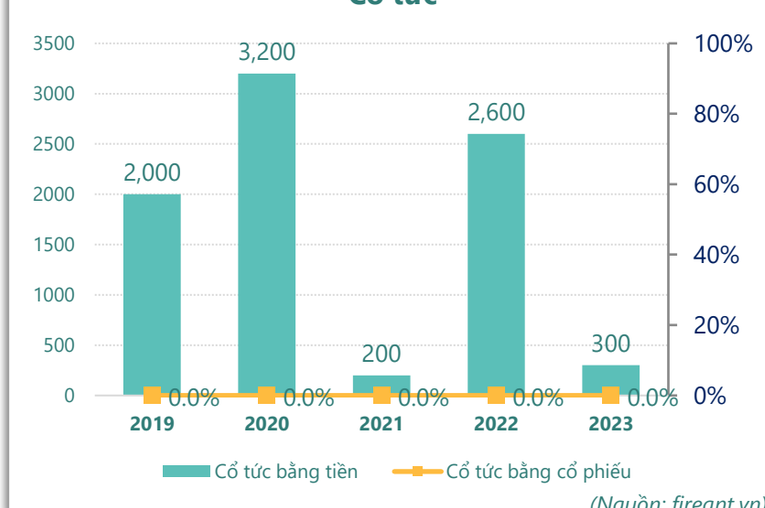
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

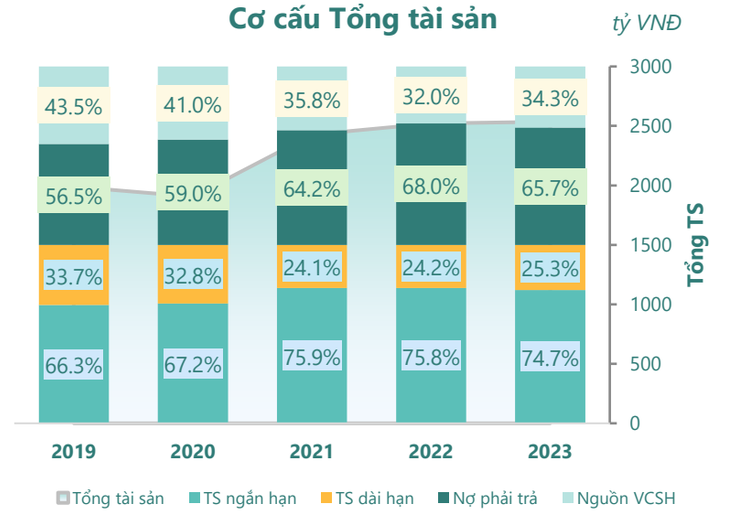
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

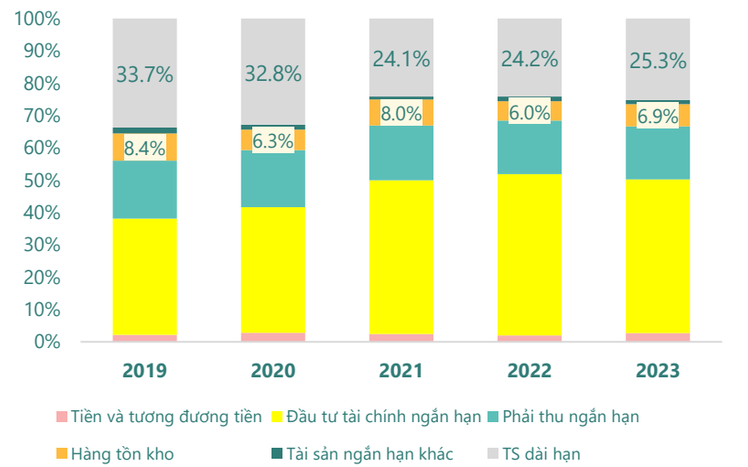
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



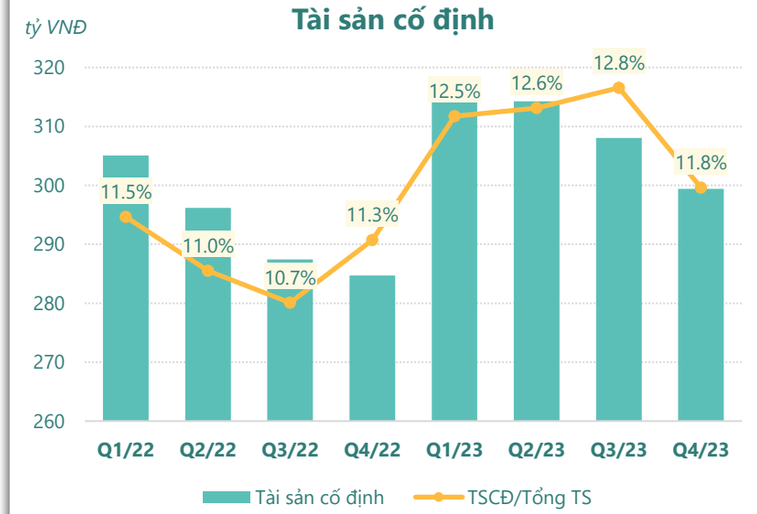
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



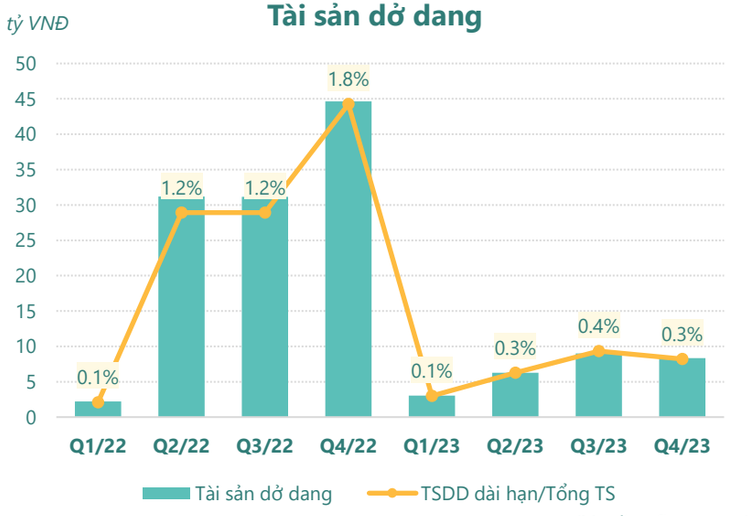
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



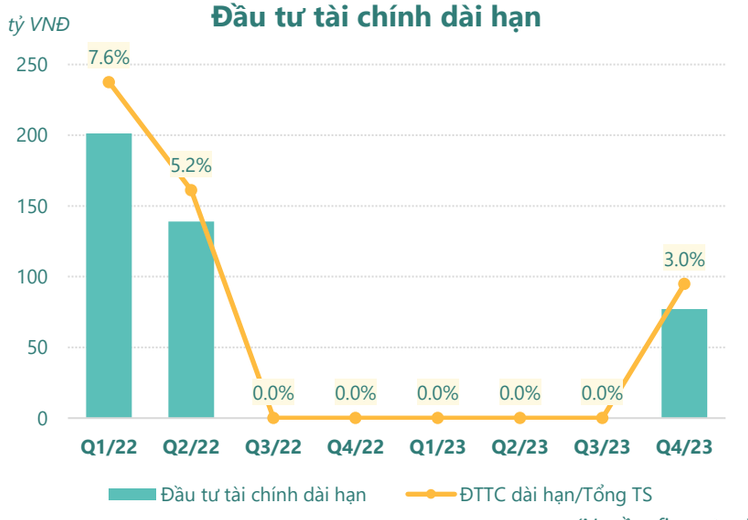
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



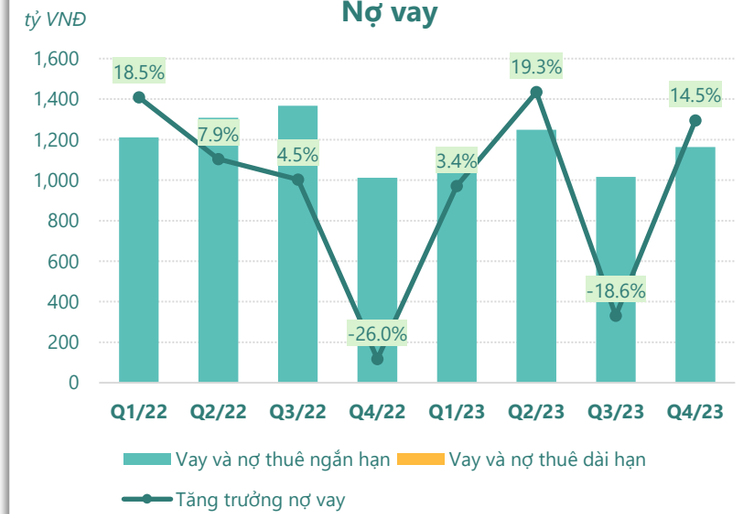
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

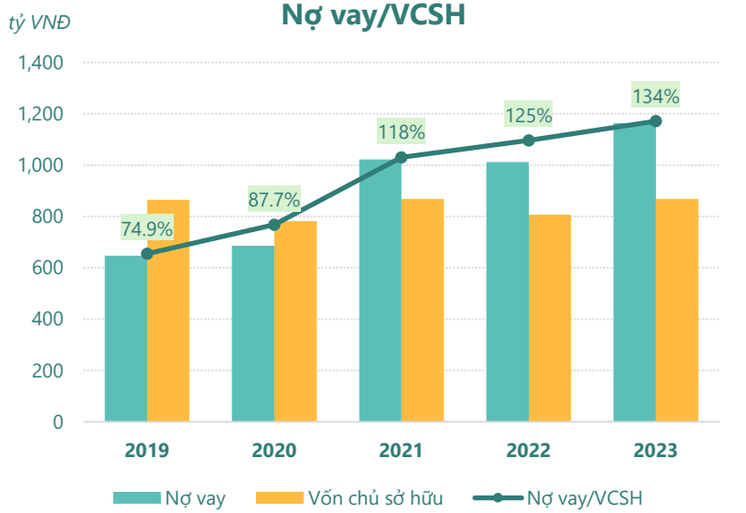
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

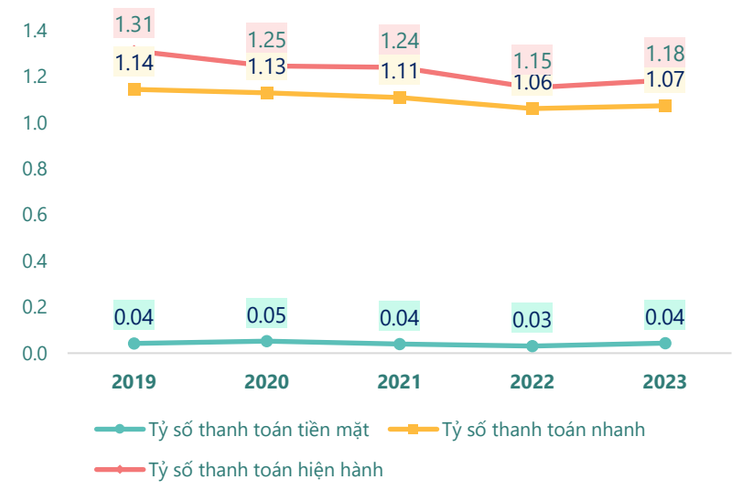
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



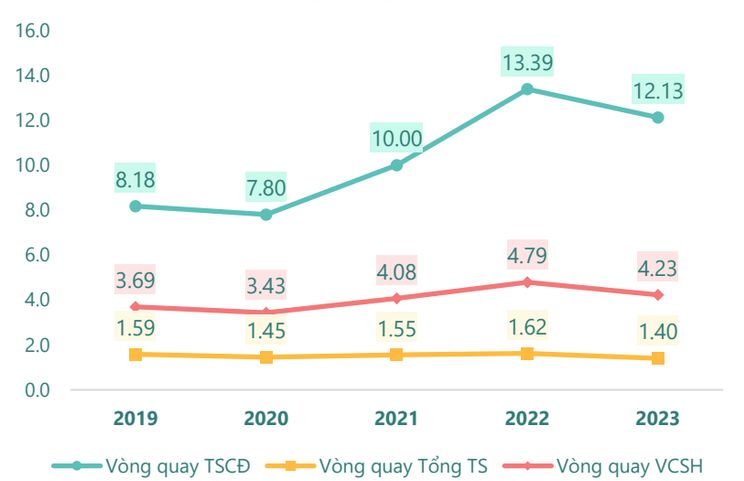
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



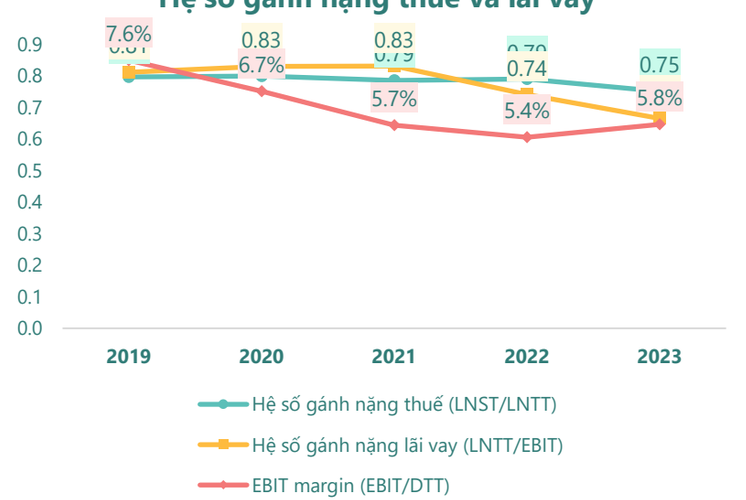
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



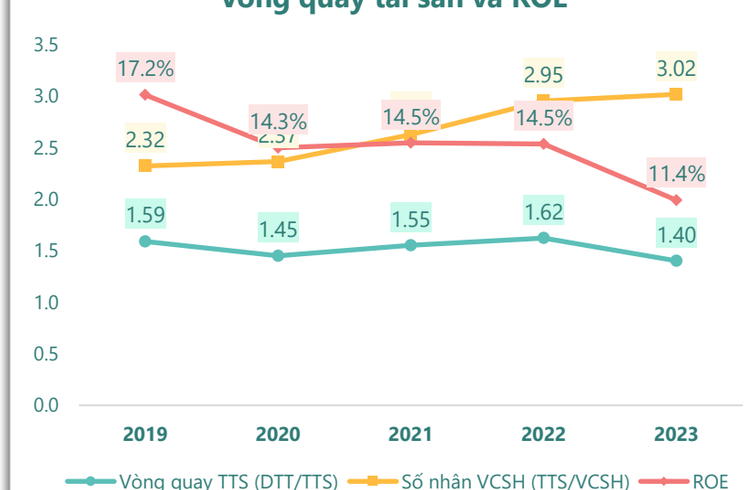
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



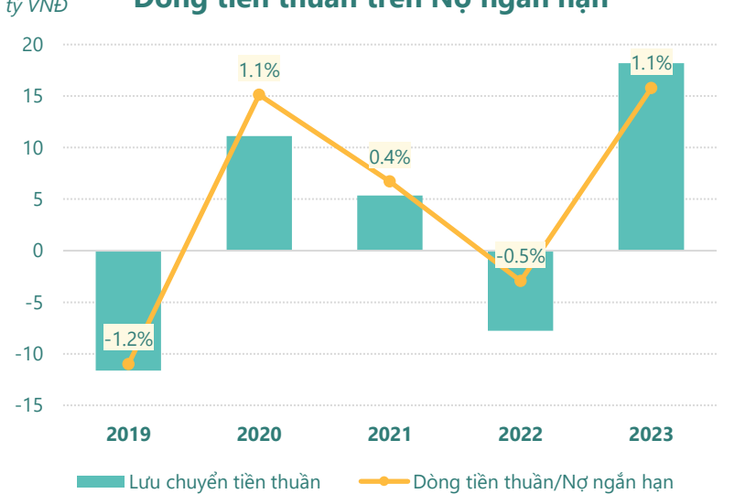
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,011**	**992**	**1.9%**	**3,544**	**4,014**	**-11.7%**
Giá vốn hàng bán	809	816	-0.8%	2,884	3,405	-15.3%
Lợi nhuận gộp	201	176	14.4%	660	610	8.2%
Doanh thu HĐTC	22.5	24.9	-9.8%	93.8	81.9	14.6%
Chi phí TC	13.9	21.7	-36.0%	75.3	64.0	17.7%
Chi phí lãi vay	12.6	17.2	-26.7%	68.2	56.0	21.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	111	96.5	14.8%	382	338	12.8%
Chi phí QLDN	**68.3**	**44.8**	**52.4%**	**162**	**136**	**19.2%**
LN thuần từ HĐKD	30.9	38.3	-19.4%	134	153	-12.3%
Lợi nhuận khác	**0.62**	**3.84**	**-83.9%**	**1.24**	**6.94**	**-82.2%**
LN trước thuế	31.5	42.1	-25.2%	136	160	-15.4%
Lợi nhuận sau thuế	**22.4**	**33.3**	**-32.9%**	**102**	**127**	**-19.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**21.4**	**32.2**	**-33.6%**	**95.3**	**121**	**-21.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.16	188	-56.8	-9.02	30.6	-67.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-77.1	167	15.2	-21.3	135	-67.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.6	-355	34.1	124	-246	147
Tiền đầu kỳ	70.3	51.6	51.1	43.6	138	56.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-18.6**	**-0.47**	**-7.52**	**94.2**	**-80.9**	**12.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	51.6	51.1	43.6	138	56.9	69.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**2,535**	**2,522**	**0.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,895	1,913	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	69.3	51.1	35.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,205	1,257	-4.1%
Phải thu ngắn hạn	415	418	-0.9%
Hàng tồn kho	176	151	16.6%
Tài sản ngắn hạn khác	30.5	35.9	-15.1%
Tài sản dài hạn	**640**	**609**	**5.1%**
Phải thu dài hạn	0.18	0.26	-31.4%
Tài sản cố định	299	285	5.2%
Bất động sản đầu tư	6.28	6.46	-2.8%
Tài sản dở dang	8.32	44.6	-81.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	77.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**249**	**273**	**-8.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,666	1,714	-2.8%
Nợ ngắn hạn	**1,601**	**1,660**	**-3.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,163	1,012	14.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	318	476	-33.2%
Nợ dài hạn	65.7	53.8	22.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**869**	**807**	**7.6%**
Vốn chủ sở hữu	**869**	**807**	**7.6%**
Vốn điều lệ	603	603	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)